

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HSST
Ngày: 28/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Bùi Sỹ Thắng
2. Bà Hoàng Thị Thúy

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa : Bà Lê Thị Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 49/2019/TL-HSST ngày 20 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 57/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo :

Lê Văn P, sinh năm 1993. Nơi cư trú : Thôn Tiên Vệ, xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ; nghề nghiệp : Không nghề nghiệp ; trình độ văn hóa : 6/12 ; dân tộc : Kinh ; giới tính : Nam ; tôn giáo : Không ; quốc tịch : Việt Nam ; con ông không xác định và bà Lê Thị H, sinh năm 1970 ; vợ Đoàn Thị H, sinh năm 1994 : có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018. tiền án : Ngày 14/8/2018 bị TAND TP Hạ Long xử phạt 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2018, chấp hành xong phần THADS ngày 07/12/2018; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/5/2019, chuyển tạm giam ngày 06/6/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại:

- Anh Đoàn Thế C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Đoàn Đình T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Anh Phạm Văn K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn D, xã Quảng T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ : Phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa.

- Anh Vương Tiến Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn H, xã Quảng Đ, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 8h ngày 31/5/2019, Lê Văn P (đang có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản) đi xe đạp của chị Đoàn Thị H sinh năm 1994 ở thôn T, xã Q, huyện Q (là vợ của P) đi từ nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q về nhà. Khi đi qua nhà chị Lê Thị H sinh năm 1995 ở thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q, P phát hiện trước cổng ngõ nhà chị H dựng 01 xe mô tô Yamaha BKS 36B3-067.94 màu đen của chị H, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa xe, P nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. P đạp xe qua nhà chị H khoảng 50m rồi dừng lại dựng xe đạp vào lề đường rồi đi bộ lại chỗ chiếc xe, quan sát thấy xung quanh không có người, P lại dắt lùi xe ra đường và ngồi lên xe mở khóa điện, nổ máy điều khiển xe chạy ra cánh đồng thuộc thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q. Phụng dừng xe kiểm tra trong cốp xe thấy có 4.440.000 đồng tiền mặt, P lấy tiền bỏ vào túi quần rồi tiếp tục điều khiển xe đến đoạn bờ sông thuộc thôn T, xã Quảng Đ thì dừng lại không đi nữa. Vì lo sợ sẽ bị phát hiện, P bỏ xe lại và đi bộ quay lại lấy xe đạp đi về nhà. Sau đó P bắt xe taxi đi lên thành phố Thanh Hóa mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết 1.245.000đ còn lại 3.195.000 đồng. Đến 15h cùng ngày, phát hiện thấy cơ quan Công an đang điều tra vụ việc biết không thể trốn tránh, P đã đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú khai nhận toàn bộ vụ việc phạm tội và giao nộp lại số tiền còn lại là 3.195.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất xe chị H đã báo cáo vụ việc đến Cơ quan điều tra và tự đi tìm lại được chiếc xe máy mà P đã vứt lại ở bờ sông.

Theo báo cáo của chị Lê Thị H tài sản bị mất gồm: 01 xe mô tô Yamaha BKS 36B3-067.94 chị mua năm 2014 thời điểm bị mất trị giá khoảng 12.000.000 đồng và số tiền 4.440.000 đồng để trong cốp xe.

Ngày 04/6/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa định giá chiếc xe mô tô BKS 36B3-067.94 thời điểm bị mất trị giá 4.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản P trộm cắp ngày 31/5/2019 là 8.440.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã trả lại chị H chiếc xe máy BKS 36B3-067.94 và số tiền 3.195.000 đồng. Chị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu P phải bồi thường số tiền 1.245.000 đồng P đã tiêu xài hết.

Đối với chiếc xe đạp P đi để trộm cắp tài sản là xe của chị H (là vợ của P) khi P lấy xe đi chị H không biết Phụng dùng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý là phù hợp.

Quá trình điều tra ngày 03/6/2019 Lê Văn P còn khai nhận ngoài vụ trộm cắp trên trước đó Phụng còn 03 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Quảng Xương cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 14h ngày 27/3/2019, P đi bộ từ nhà ra cánh đồng thôn T, xã Quảng Đ, huyện Q để bắt cua. Trên đường đi đến khu vực cánh đồng thì P thấy chiếc xe máy điện biển số 36MĐ-139.38 của anh Đoàn Thế C sinh năm 1972 ở thôn T, xã Quảng Đ đi làm ruộng đang dựng ở lề đường, chìa khóa đang cắm ở ổ khóa. Quan sát thấy anh C không để ý, P đi lại chiếc xe, bật chìa khóa và điều khiển xe đi đến Thị trấn Quảng Xương tìm chỗ bán xe. Khi đi đến cửa hàng sửa chữa xe của anh Phạm Văn K SN 1984 ở thôn D, xã Quảng T, huyện Q, P nói với anh K đây là xe của P do không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán. P ghi lại tên tuổi địa chỉ cùng sổ chứng minh thư giả để K tin nên K đồng ý mua chiếc xe với giá 1.500.000 đồng. Số tiền bán xe P tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 04/6/2019 sau khi được cơ quan điều tra thông báo anh C đã báo cáo lại vụ việc mất trộm đến Công an huyện Quảng Xương. Theo báo cáo của anh C, anh bị mất 01 xe máy điện biển số 36MĐ-139.38 là xe của anh mua mới năm 2016. Thời điểm bị mất trị giá khoảng 6.000.000 đồng.

Ngày 26/6/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá chiếc xe máy điện biển số MĐ 139.38 trị giá 6.000.000 đồng.

Sau khi mua xe anh K đã tháo lắp linh kiện và bán cho khách hàng không quen biết nên cơ quan điều tra không thu thập được. Anh C cũng không yêu cầu đề nghị P phải bồi thường gì về dân sự cho anh.

Đối với Phạm Văn K, khi mua chiếc xe máy điện của P anh K không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý đối với Khánh.

Lần thứ 2: Khoảng 10h ngày 25/5/2019, P đi bộ từ thôn T, xã Quảng Đ, huyện Quảng X về nhà ở thôn T, xã Đ, huyện Quảng X. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn 15, xã Quảng Đ phát hiện thấy xe mô tô SYM BKS 36F5-5119 của anh Nguyễn Văn L sinh năm 1979 ở thôn T, xã Đ, huyện Quảng X đang dựng ở lề đường, chìa khóa đang cắm ở xe, không có người trông coi, P đi lại, bật chìa khóa nổ máy xe và chạy xe về nhà. P tháo biển số xe cất đi và lấy sơn xanh sơn lên hai vành của xe để không bị mất hiện. Sau đó P đem xe đến bán cho cửa hàng sắt vụn của chị Lê Thị T sinh năm 1971 ở phường Q, thành phố Thanh Hóa, P nói là xe của P bị hỏng nên đem bán sắt vụn. Chị T đồng ý mua với giá 450.000 đồng. Số tiền bán xe P tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 04/6/2019 sau khi được cơ quan điều tra thông báo anh L đã báo cáo lại toàn bộ việc bị mất trộm chiếc xe mô tô trên đến Công an huyện Quảng Xương. Theo báo cáo của anh L, chiếc xe bị mất là xe của anh, đã cũ, khung xe đã bị gãy, thời điểm bị mất trị giá khoảng 500.000 đồng.

Ngày 26/6/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá chiếc xe trị giá 300.000 đồng. Sau khi được cơ quan điều tra thông báo chị T đã giao nộp lại chiếc xe mô tô trên cho cơ quan điều tra để trả lại cho anh L là chủ sở hữu hợp pháp. Anh L đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì về dân sự.

Đối với chị Lê Thị T, khi P bán xe chị T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Nên không có cơ sở để xử lý đối với chị T, chị T cũng không yêu cầu đề nghị P trả lại số tiền 450.000 đồng cho chị.

Đối với biển số xe 36F5-5119, P tháo ra cất ở nhà, khi đến đầu thú P đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

Lần thứ 3: Vào khoảng 8h ngày 27/5/2019, P đi bộ từ nhà ra cánh đồng thôn T, xã Quảng Đ để bắt cua thì phát hiện thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Well BKS 36F6-1863 của anh Đoàn Đình T sinh năm 1964 ở thôn T, xã Quảng Đ đang dựng ở lề đường gần bờ ruộng cách chỗ anh T làm ruộng khoảng 50m. Quan sát thấy anh T không chú ý, P đi lại rút dây điện ở đầu máy xe đầu lại thì nổ được máy xe, P lên xe điều khiển chạy ra đoạn đường vắng gần UBND xã Quảng Đ tháo biển kiểm soát ném xuống sông. Sau đó P đem xe đến nhà anh Đào Văn T sinh năm 1988 ở thôn T, xã Quảng Đ cầm xe cho anh T để vay được 300.000đ. Đến ngày 29/5/2019 P đến lấy xe đem bán cho cửa hàng sắt vụn của anh Vương Tiến Q sinh năm 1987 ở thôn Hà T, xã Quảng Đ, huyện Quảng X, P nói đây là xe của P đã cũ không sử dụng nữa nên bán sắt vụn, anh Vương Tiến Q đồng ý mua lại với giá 400.000 đồng. Số tiền bán xe P trả cho anh T 300.000 đồng còn lại 100.000 đồng P tiêu xài cá nhân hết.

Theo báo cáo của anh Đoàn Đình T chiếc xe trên anh mua lại năm 2003 với giá 8.000.000 đồng, thời điểm bị mất trị giá khoảng 2.000.000 đồng. Ngày 26/6/2019 Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Xương định giá chiếc xe trị giá 200.000 đồng.

Đối với chiếc xe BKS 36F6-1863, sau đó anh Q đã bán lại cho xe thu mua sắt vụn đi đường nên không thu hồi được. Anh T cũng không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với Đào Văn T và Vương Tiến Q, khi cho P cầm xe và mua xe thì anh T và Q không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý. Anh T và Q cũng không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Đối với biển kiểm soát xe 36F6-1863 P tháo đi vứt xuống sông, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản cáo trạng số 50/Ctr – KSĐT ngày 19/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử :

Áp dụng : khoản 1 Điều 173 ; điểm h, g khoản 1 Điều 52 ; điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 ; Điều 38 – BLHS.

Xử phạt : Bị cáo Lê Văn P từ 15 đến 18 tháng tù.

Truy thu số tiền bắt chính 04 lần phạm tội của bị cáo là 3.595.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng : Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn P đã khai nhận : Lê Văn P đang có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 08/2019, Lê Văn P đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản, đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Quảng Xương của các gia đình: Anh Đoàn Thế C trị giá tài sản là 6.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn L trị giá tài sản là 300.000 đồng, anh Đoàn Đình T trị giá tài sản là 200.000 đồng, chị Lê Thị H trị giá tài sản là 8.440.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản 04 lần trộm cắp của Lê Văn P là 14.940.000 đồng.

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Do đó chấp nhận cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định : Hành vi của Lê Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm : Do thỏa mãn nhu cầu nghiện hút ma túy và tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 03/2019 đến tháng 8/2019 Lê Văn P đã liên tục phạm tội nhiều lần. Hành vi của Lê Văn P là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe không chịu lao động chân chính, ăn chơi đua đòi dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân do đó cần được đưa ra xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà lại tái phạm tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thể hiện bản chất liều lĩnh coi thường pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo :

Về tình tiết tăng nặng : Bị cáo tái phạm, phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Nhân thân : Là đối tượng nghiện ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ : Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, tự thú. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự được quy định tại điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại : Bị hại anh L, chị H, anh C, anh T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến đề nghị gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T, anh Q không có yêu cầu gì về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh K khi mua xe máy điện của P, K không biết đây là tài sản trộm cắp nên đã tháo linh kiện và bán cho khách hàng không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chiếc xe đạp là xe mà Lê Văn P sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định chiếc xe đạp P đi trộm cắp là xe của chị H (vợ P) chị H không biết việc Phụng dùng xe để đi trộm cắp tài sản nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị H là phù hợp.

Đối với biển kiểm soát xe 36F6-1863 Phụng tháo đi vứt xuống sông, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo thu lời từ 04 lần trộm cắp tài sản là 3.595.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo thu lời bất chính do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ : Khoản 1 Điều 173 ; điểm h, g khoản 1 Điều 52 ; điểm r, s khoản 1,2 Điều 51 ; Điều 38 - Bộ luật hình sự.

Tuyên bố : Bị cáo Lê Văn P phạm tội ‘Trộm cắp tài sản’.

Xử phạt : Lê Văn P 15 (mười lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 31/5/2019.

Áp dụng Điều 47 BLHS Truy thu của bị cáo Lê Văn P số tiền 3.595.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Về án phí : Áp dụng khoản 2 Điều 135 BLTTHS ; Điều 6 ; điểm a khoản 1 Điều 23, Khoản I mục 1 Danh mục án phí, lệ phí (ban hành kèm theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016) của Ủy ban thường vụ Quốc hội – Buộc Lê Văn P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo : Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền địa phương.

Nơi nhận :

- Tòa án ND Tỉnh ;
- VKSND huyện Quảng X ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an huyện Quảng X ;
- Chi cục Thi hành án Quảng x ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ

Trịnh Thị Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Quyền

Nguyễn Hoài Nam

Trịnh Thị Hà

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Chi cục Thi hành án Quảng xương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hà

